

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2025

Số: 335/MB - TCKT  
V/v: CBTT Báo cáo tài chính năm 2024  
(đã kiểm toán)

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo-PMB) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 (đã kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội & Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
  - Mã chứng khoán: PMB
  - Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ/Tel: 024.35378256 Fax: 024.35378255
  - Email: pmb@pvfcco.com.vn Website: http://pmb.vn
- Nội dung thông tin công bố:
  - BCTC năm 2024 (đã kiểm toán)
    - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
    - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
    - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);
  - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
    - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):
      - ☐ Có ☒ Không
    - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
      - ☐ Có ☒ Không
    - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 04/3/2025 tại đường dẫn: <http://pmb.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024:

**Công ty không phát sinh**

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch;
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);
- Ngày hoàn thành giao dịch;

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *Hu*

**Nơi nhận;**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2024 (đã kiểm toán);
- Giải trình LNST thay đổi trên 10% so với năm trước

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



**TRƯỞNG PHÒNG TCHC  
Phạm Trần Nguyễn**



TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Số: 336/MB - TCKT

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC  
năm 2024 (sau kiểm toán) thay đổi trên 10% so  
với năm trước

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (Công ty) giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC năm 2024 (sau kiểm toán) lãi 9.903.009.178 đồng, chênh lệch tăng hơn 10% so với thực hiện năm 2023 lãi 6.328.089.314 đồng, do một số nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
			1	2	3=1-2	4=1/2
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	2.153.311.868.675	2.146.357.079.243	6.954.789.432	100%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	Đồng	74.794.754.369	76.330.722.911	(1.535.968.542)	98%
3	Lợi nhuận khác	Đồng	8.209.661.413	4.759.854.328	3.449.807.085	172%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	12.958.649.001	10.345.813.563	2.612.835.438	125%

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận;

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



TRƯỞNG PHÒNG TCHC  
Phạm Trần Nguyễn

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024





MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

0288  
CÔNG  
CỔ PH  
ÂN B  
CHẤT  
MIỀN  
GIẤY

12500  
NG TY  
NHH  
TOÁN  
OITT  
NAM  
A - LP H

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lương Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên
Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Kim Anh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Trà My	Thành viên
Bà Đỗ Thị Minh Tâm	Thành viên

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Bùi Tuấn Anh**

**Giám đốc**

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

Số: 0523/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Nguyễn Thị Ngân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5248-2025-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>184.250.440.933</b>	<b>172.173.099.706</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>139.841.793.500</b>	<b>120.856.663.223</b>
1. Tiền	111		46.805.892.580	53.076.736.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		93.035.900.920	67.779.926.332
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.056.592.760</b>	<b>19.359.989.193</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.000.483.177	12.115.130.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.868.064.752	6.626.832.305
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		188.044.831	618.026.505
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>32.943.385.694</b>	<b>29.612.036.468</b>
1. Hàng tồn kho	141		32.943.385.694	31.949.547.478
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.337.511.010)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>408.668.979</b>	<b>2.344.410.822</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	408.668.979	180.546.413
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	2.163.864.409
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.604.618.874</b>	<b>12.757.732.437</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>72.000.000</b>	<b>72.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		72.000.000	72.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.719.537.224</b>	<b>5.312.445.323</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.719.537.224	5.305.371.628
- Nguyên giá	222		43.733.855.700	44.557.487.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.014.318.476)	(39.252.116.150)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	7.073.695
- Nguyên giá	228		95.613.600	95.613.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.613.600)	(88.539.905)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.813.081.650</b>	<b>7.373.287.114</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	4.813.081.650	7.373.287.114
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>192.855.059.807</b>	<b>184.930.832.143</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>50.424.479.558</b>	<b>40.617.068.924</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.424.479.558</b>	<b>40.617.068.924</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	17.628.905.091	2.916.117.963
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	17.824.877.033	6.360.607.658
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	894.661.304	681.761.179
4. Phải trả người lao động	314		5.940.846.092	5.384.256.874
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	865.113.654	1.293.182.595
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	4.254.622.644	19.921.153.653
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.015.453.740	4.059.989.002
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>142.430.580.249</b>	<b>144.313.763.219</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>142.430.580.249</b>	<b>144.313.763.219</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.397.910.669	14.281.093.639
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		4.664.135.262	9.218.622.188
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.733.775.407	5.062.471.451
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>192.855.059.807</b>	<b>184.930.832.143</b>



Nguyễn Thị Vân Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Tiến Hưng  
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.195.485.569.778	2.183.715.954.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	42.173.701.103	37.358.875.004
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.153.311.868.675	2.146.357.079.243
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.078.517.114.306	2.070.026.356.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20		74.794.754.369	76.330.722.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.193.507.668	1.876.103.424
7. Chi phí tài chính	22		7.534.247	18.493.151
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.534.247	18.493.151
8. Chi phí bán hàng	25	22	55.493.300.350	56.148.164.679
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.738.439.852	16.454.206.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.748.987.588	5.585.962.235
11. Thu nhập khác	31	23	8.688.761.540	5.067.678.234
12. Chi phí khác	32		479.100.127	307.826.906
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.209.661.413	4.759.851.328
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.958.649.001	10.345.813.563
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	3.055.639.823	(449.823.586)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	-	4.467.547.835
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.903.009.178	6.328.089.314
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	644	422


Nguyễn Thị Vân Anh  
Người lập biểu

Nguyễn Tiến Hưng  
Kế toán trưởngBùi Tuấn Anh  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.958.649.001	10.345.813.563
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.916.576.179	3.381.854.604
Các khoản dự phòng	03	(2.337.511.010)	(5.105.042.850)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(507.695.455)	(1.908.194.333)
Chi phí lãi vay	06	7.534.247	18.493.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.037.552.962	6.732.924.135
Giảm các khoản phải thu	09	10.467.260.842	6.031.825.794
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(993.838.216)	41.832.876.177
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lãi vay phải trả)	11	8.273.299.565	(1.218.929.990)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	2.332.082.898	(4.725.175.412)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.534.247)	(18.493.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(476.993.492)	(4.217.613.426)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.230.727.410)	(5.605.301.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.401.102.902	38.812.112.374
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.323.668.080)	(1.650.418.200)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	507.695.455	32.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	1.899.927.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(815.972.625)	281.600.484

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.600.000.000)	(14.400.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(9.600.000.000)</i>	<i>(14.400.000.000)</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	 50	 18.985.130.277	 24.693.712.858
 Tiền và tương đương tiền đầu năm	 60	 120.856.663.223	 96.162.950.365
 Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	 70	 139.841.793.500	 120.856.663.223



Nguyễn Thị Vân Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Tiến Hưng  
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 cấp ngày 19 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 01 tháng 02 năm 2024. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 07 tháng 10 năm 2015 với mã chứng khoán là PMB.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 67 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 68 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí mua hàng hóa cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định hữu hình khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Thuê tài sản

##### Công ty là bên đi thuê

Các khoản thuê của Công ty là thuê hoạt động. Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

##### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng, thuê kho cho nhiều kỳ đã được thanh toán trước cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí bảo hiểm thể hiện số tiền bảo hiểm đã được thanh toán trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn hợp đồng bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

#### Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	54.923.209	212.949.659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.750.969.371	52.863.787.232
Các khoản tương đương tiền (*)	93.035.900.920	67.779.926.332
	<b>139.841.793.500</b>	<b>120.856.663.223</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,4%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,0%/năm đến 3,2%/năm).

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.504.078.987	12.115.130.383
Các khách hàng khác	496.404.190	-
	<b>8.000.483.177</b>	<b>12.115.130.383</b>

Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)

7.504.078.987 12.115.130.383

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.076.468.831	6.604.264.542
Các nhà cung cấp khác	791.595.921	22.567.763
	<b>2.868.064.752</b>	<b>6.626.832.305</b>

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 26)

2.076.468.831 6.604.264.542

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.028.784.804	-
Công cụ, dụng cụ	116.431.923	-	130.220.908	-
Hàng hoá	32.826.953.771	-	30.790.541.766	(2.337.511.010)
	<b>32.943.385.694</b>	<b>-</b>	<b>31.949.547.478</b>	<b>(2.337.511.010)</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.337.511.010 VND (năm 2023: 5.105.042.850 VND) do Công ty đã tiêu thụ các hàng hóa đã trích lập dự phòng đầu năm.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	249.922.620	111.648.065
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	158.746.359	68.898.348
	<b>408.668.979</b>	<b>180.546.413</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước	3.629.751.376	6.099.025.852
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.183.330.274	1.274.261.262
	<b>4.813.081.650</b>	<b>7.373.287.114</b>



9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	28.077.312.198	743.420.000	12.430.896.903	2.762.565.477	543.293.200	44.557.487.778
Tăng trong năm	-	141.480.000	931.288.080	250.900.000	-	1.323.668.080
Phân loại lại	-	165.000.000	-	(165.000.000)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(128.128.000)	(1.922.486.444)	(96.685.714)	-	(2.147.300.158)
Số dư cuối năm	28.077.312.198	921.772.000	11.439.698.539	2.751.779.763	543.293.200	43.733.855.700
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	26.101.737.371	390.294.471	9.523.131.700	2.693.659.408	543.293.200	39.252.116.150
Khấu hao trong năm	1.975.574.827	159.657.545	748.677.400	25.592.712	-	2.909.502.484
Phân loại lại	-	96.093.931	-	(96.093.931)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(128.128.000)	(1.922.486.444)	(96.685.714)	-	(2.147.300.158)
Số dư cuối năm	28.077.312.198	517.917.947	8.349.322.656	2.526.472.475	543.293.200	40.014.318.476
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	1.975.574.827	353.125.529	2.907.765.203	68.906.069	-	5.305.371.628
Tại ngày cuối năm	-	403.854.053	3.090.375.883	225.307.288	-	3.719.537.224

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.447.658.184 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.363.352.341 VND).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Long Thành	464.325.734	464.325.734	580.696.138	580.696.138
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Phúc Long	708.880.689	708.880.689	520.379.596	520.379.596
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	704.827.764	704.827.764	293.266.332	293.266.332
Công ty Cổ phần Cảng Thanh Hóa	298.780.314	298.780.314	230.398.144	230.398.144
Các đối tượng khác	2.128.814.601	2.128.814.601	1.291.377.753	1.291.377.753
Chiết khấu thương mại phải trả:	13.323.275.989	13.323.275.989	-	-
- Công ty CP Phân bón Phú Quy	2.928.868.000	2.928.868.000	-	-
- Công ty TNHH Việt Mỹ	1.902.612.850	1.902.612.850	-	-
- Các đối tượng khác	8.491.795.139	8.491.795.139	-	-
	<b>17.628.905.091</b>	<b>17.628.905.091</b>	<b>2.916.117.963</b>	<b>2.916.117.963</b>

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	2.455.000.000	1.284.726.295
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quy	4.875.429.395	292.920.159
Công ty TNHH Thương mại Phong Trang	1.831.553.922	731.855.364
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp, Xây dựng Anh Thái	629.138.036	765.636.547
Các khách hàng khác	8.033.755.680	3.285.469.293
	<b>17.824.877.033</b>	<b>6.360.607.658</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	335.061.179	486.297.530	643.929.327	177.429.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.163.864.409)	3.413.536.360	834.890.029	414.781.922
Thuế thu nhập cá nhân	346.700.000	1.660.662.017	1.704.912.017	302.450.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>(1.482.103.230)</b>	<b>5.563.495.907</b>	<b>3.186.731.373</b>	<b>894.661.304</b>
<b>Trong đó:</b>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.163.864.409			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	681.761.179			894.661.304

(\*) Số thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm 357.896.537 VND là thuế TNDN nộp bổ sung theo Quyết định số 67895/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.



13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	65.418.467	54.315.955
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	799.695.187	1.238.866.640
	<b>865.113.654</b>	<b>1.293.182.595</b>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	2.600.000.000
Kinh phí công đoàn	23.516.002	74.141.513
Phải trả ngắn hạn khác	1.231.106.642	880.284.015
Chiết khấu thương mại	-	16.366.728.125
	<b>4.254.622.644</b>	<b>19.921.153.653</b>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 26)

900.000.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	10.032.669.580	24.278.918.978	154.311.588.558
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.328.089.314	6.328.089.314
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.925.914.653)	(1.925.914.653)
Chia cổ tức	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	14.281.093.639	144.313.763.219
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.903.009.178	9.903.009.178
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.186.192.148)	(2.186.192.148)
Chia cổ tức (i)	-	-	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	<b>120.000.000.000</b>	<b>10.032.669.580</b>	<b>12.397.910.669</b>	<b>142.430.580.249</b>

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 37/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, cổ tức năm 2023 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt với tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ là 8%, tương ứng 800 VND/cổ phiếu. Tổng số cổ tức chi trả là 9.600.000.000 VND và đã được Công ty thanh toán trong năm 2024. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền 2.186.192.148 VND, trong đó bao gồm 2.169.233.771 VND tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 16.958.377 VND là phần trích bổ sung cho phần lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2023.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	90.000.000.000	75%	90.000.000.000	75%
- Công ty Cổ phần				
Cổ đông khác	30.000.000.000	25%	30.000.000.000	25%
	<u>120.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>120.000.000.000</u>	<u>100%</u>

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tấn	Tấn
Phân bón và sản phẩm hóa chất giữ hộ Tổng Công ty	12.534	22.171
Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần		
Phân bón và sản phẩm hóa chất giữ hộ khách hàng	15.258	25.654
	<u>27.792</u>	<u>47.825</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.489.584.987.500	1.467.170.747.500
Doanh thu hàng hóa khác	672.546.499.275	681.535.793.605
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.354.083.003	35.009.413.142
	<b>2.195.485.569.778</b>	<b>2.183.715.954.247</b>
Chiết khấu thương mại	42.173.701.103	37.358.875.004
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>2.153.311.868.675</b>	<b>2.146.357.079.243</b>
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	63.314.363.049	31.193.029.211

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.406.477.826.185	1.379.891.774.097
Giá vốn hàng hóa khác	642.080.102.984	658.229.147.994
Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.959.185.137	31.905.434.241
	<b>2.078.517.114.306</b>	<b>2.070.026.356.332</b>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	29.425.746.895	28.430.699.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.916.576.179	3.381.854.604
Hoàn nhập dự phòng	(2.337.511.010)	(5.105.042.850)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.663.822.285	50.317.457.348
Chi phí bằng tiền khác	23.361.755.115	28.024.654.485
	<b>108.030.389.464</b>	<b>105.049.623.242</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.193.507.668	1.876.103.424
	<b>1.193.507.668</b>	<b>1.876.103.424</b>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	20.974.582.746	18.312.686.593
Chi phí công cụ, dụng cụ	411.146.704	628.623.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.890.983.467	3.132.858.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.879.928.497	10.999.715.666
Các khoản chi phí bán hàng khác	20.336.658.936	23.074.280.903
	<b>55.493.300.350</b>	<b>56.148.164.679</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.451.164.149	10.118.013.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.337.864.260	4.463.556.992
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.949.411.443	1.872.636.216
	<b>15.738.439.852</b>	<b>16.454.206.270</b>

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Quà tặng khuyến mãi	8.105.434.000	5.003.731.200
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	507.695.455	32.090.909
Các khoản khác	75.632.085	31.856.125
	<b>8.688.761.540</b>	<b>5.067.678.234</b>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.913.587.017	2.204.551.494
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	142.052.806	(2.654.375.080)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.055.639.823</b>	<b>(449.823.586)</b>



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	12.958.649.001	10.345.813.563
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.609.286.086	676.943.906
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.567.935.087	11.022.757.469
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.913.587.017	2.204.551.494

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.467.547.835
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	4.467.547.835

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.903.009.178	6.328.089.314
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.169.233.771)	(1.265.617.863)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.733.775.407	5.062.471.451
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	644	422

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>63.314.363.049</b>	<b>31.193.029.211</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	63.314.363.049	31.193.029.211
<b>Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp</b>	<b>1.891.315.841.250</b>	<b>1.893.064.337.750</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.891.315.841.250	1.893.064.337.750
<b>Nhận chiết khấu</b>	<b>27.944.144.123</b>	<b>40.763.888.113</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	27.944.144.123	40.763.888.113
<b>Trả cổ tức</b>	<b>7.200.000.000</b>	<b>10.800.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.200.000.000	10.800.000.000
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.105.434.000</b>	<b>5.003.731.200</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.105.434.000	5.003.731.200

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.504.078.987</b>	<b>12.115.130.383</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.504.078.987	12.115.130.383
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.076.468.831</b>	<b>6.604.264.542</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.076.468.831	6.604.264.542
<b>Phải trả khác</b>	<b>900.000.000</b>	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	900.000.000	-



*Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Ông Lương Anh Tuấn	1.090.687.951	1.035.484.681
Ông Bùi Tuấn Anh	1.032.212.548	886.963.833
Ông Nguyễn Quang Đoàn	942.599.501	910.600.200
Ông Tạ Quốc Phương	48.000.000	52.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Đào Thị Kim Anh	42.000.000	42.000.000
Bà Đỗ Thị Minh Tâm	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Trà My	30.000.000	30.000.000
	<b>3.215.500.000</b>	<b>2.987.048.714</b>



Nguyễn Thị Vân Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Tiến Hưng  
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh  
Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2025